



1124 Series Tải nặng

LOẠI CÀNG KIỂU DF DF型系列

Tải trọng 載重
140-400 kg

○ Tải trọng lớn, xoay chuyển linh hoạt, thích hợp sử dụng để vận chuyển đồ trong nhà máy. Ngoài ra, có thể lắp thêm nắp chống bụi (sản phẩm có bằng sáng chế của Dersheng) để ngăn chặn bụi và sợi bám vào bánh, giúp tăng tuổi thọ sử dụng của bánh xe.

- 高負載且旋轉靈活，普遍適用於一般工廠搬運，另可附防塵蓋，屬得勝專利產品，可以有效防止腳輪因灰塵或纏絲而無法轉動，提高腳輪使用壽命。



» Đặc điểm 特色區



Khóa bên
側剎



Khóa giữa
中剎



Nắp chống bụi
cho bánh xe
輪子可附防塵蓋



Các loại bánh xe PU
có độ cứng khác nhau
PU輪面可以變化硬度

» Vật liệu bánh xe 輪子選項



Bánh cao su NBR
lõi gang
鐵芯NBR橡膠輪



Bánh PU lõi gang
鐵芯聚氨酯



Bánh cao su lõi gang
三星輪



Bánh cao su
không lán vết lõi gang
環保NBR橡膠輪



Bánh W Resolute
W 全效輪



Bánh WCPD
WCPD輪



Bánh QPU
QPU輪



Bánh Nylon
尼龍輪



Bánh xe gang
鐵輪



Bánh CPD
CPD輪



Bánh cao su đặc Resolute
風硬全效輪



Bánh WMRC
WMRC輪



Bánh EPU
EPU輪



Bánh EQPU
EQPU輪



Bánh QPU lõi nhôm
鋁芯AQPU



Bánh King Kong
金鋼輪



Ổ bi
滾珠軸承

» Quy cách lắp lắp 底板規格

Số thứ tự 編號	Kích thước tấm lắp 底板尺寸	Khoảng cách các lỗ lắp 底板孔距	Kích thước bu lông 安裝尼帽尺寸
1	100 x 115 mm (4"x 4-1/2")	70 x 85 mm (2-5/8"~3"x3"~3-5/8")	9.5 mm (3/8")
2	108 x 84 mm (4-1/4"x 3-5/16")	87.5 x 63.5 mm (3-7/16x 2-1/2")	M8 (5/16")
3	115 x 159 mm (4-1/2"x 6-1/4")	75 x 130 mm (2-7/16"~3-3/8" x4-15/16"~5-1/4")	12.7 mm (1/2")



 Đường kính Bề rộng bánh xe 輪徑 x 輪寬	 Tải trọng 載重	 Vật liệu bánh xe 材質	 Mã sản phẩm 型號			 Ổ lăn bánh xe 軸承	 Tổng chiều cao 總高	 Bán kính xoay 迴旋半徑
			Càng cố định 固定	Càng xoay 活動	Có Phanh/Khóa 剎車			
50mm x 45mm (2" x 1-3/4")	* 275 kgs(606 lbs)	Bánh King Kong 金鋼輪	11240200711013	11240200712013	—	Ổ bi 滾珠	82mm (3-1/4")	Xoay 51mm (2") 活動 51mm (2")
93mm x 28mm (3-21/32" x 1-3/32")	175 kgs(385 lbs)	Bánh xe gang 鉄輪	1124-04-14-1	1124-04-14-2	—	Ổ bi 滾珠	138.5mm	Xoay 71.5mm 活動 71.5mm
100mm x 32mm (4" x 1-1/4")	200 kgs(440 lbs)	Bánh Nylon 尼龍輪	1124-04-07-1	1124-04-07-2	1124-04-07-4	Ổ bi 滾珠	142mm (5-5/8")	Xoay 75mm Khóa bên 75mm Khóa giữa 115mm 活動 75mm 側煞 75mm 中煞 115mm
	150 kgs(330 lbs)	Bánh CPD CPD輪	1124-04-49-1	1124-04-49-2	1124-04-49-4			
100mm x 34mm (4" x 1-1/3")	200 kgs(440 lbs)	Bánh PU lõi gang 鐵芯聚氨酯	1124-04-33-1	1124-04-33-2	1124-04-33-4			
	300 kgs(660 lbs)	Bánh QPU QPU輪	1124-04-80-1	1124-04-80-2	1124-04-80-4			
	150 kgs(330 lbs)	Bánh cao su NBR lõi gang 鐵芯NBR橡膠輪	1124-04-04-1	1124-04-04-2	1124-04-04-4			
	150 kgs(330 lbs)	Bánh cao su không lăn vết lõi gang 環保NBR橡膠輪	1124-04-11-1	1124-04-11-2	1124-04-11-4			
100mm x 35mm (4" x 1-1/8")	150 kgs(330 lbs)	Bánh cao su lõi gang 三星輪	1124-04-03-1	1124-04-03-2	1124-04-03-4			
100mm x 36mm (4" x 1-7/16")	325 kgs(715 lbs)	Bánh QPU lõi nhôm (cong) 鋁芯AQPU(圓弧)	1124-04-87-1	1124-04-87-2	1124-04-87-4			
100mm x 37.5mm (4" x 1-1/2")	140 kgs(308 lbs)	Bánh W Resolute W 全效輪	1124-04-64-1	1124-04-64-2	1124-04-64-4			
100mm x 40mm (4" x 1-9/16")	350 kgs(770 lbs)	Bánh QPU lõi nhôm (cong) 鋁芯AQPU(圓弧)	1124-04(40)-87-1	1124-04(40)-87-2	1124-04(40)-87-4			
122mm x 36mm (4-13/16" x 1-7/16")	250 kgs(550 lbs)	Bánh xe gang 鉄輪	1124-05-14-1	1124-05-14-2	—	Ổ bi 滾珠	165.5mm	Xoay 91.5mm 活動 91.5mm
125mm x 37.5mm (5" x 1-1/2")	250 kgs(550 lbs)	Bánh W Resolute W 全效輪	1124-05-64-1	1124-05-64-2	1124-05-64-4	Ổ bi 滾珠	167mm (6-1/2")	Xoay 93mm Khóa bên 93mm Khóa giữa 112mm 活動 93mm 側煞 93mm 中煞 112mm
125mm x 40mm (5" x 1-9/16")	250 kgs(550 lbs)	Bánh PU lõi gang 鐵芯聚氨酯	1124-05-33-1	1124-05-33-2	1124-05-33-4			
	350 kgs(770 lbs)	Bánh QPU QPU輪	1124-05-80-1	1124-05-80-2	1124-05-80-4			
	350 kgs(770 lbs)	Bánh QPU lõi nhôm (cong) 鋁芯AQPU(圓弧)	1124-05-87-1	1124-05-87-2	1124-05-87-4			
	250 kgs(550 lbs)	Bánh EPU EPU輪	1124-05-78-1	1124-05-78-2	1124-05-78-4			
	300 kgs(660 lbs)	Bánh EQPU EQPU輪	1124-05-81-1	1124-05-81-2	1124-05-81-4			
	200 kgs(440 lbs)	Bánh cao su lõi gang 三星輪	1124-05-03-1	1124-05-03-2	1124-05-03-4			
	200 kgs(440 lbs)	Bánh cao su NBR lõi gang 鐵芯NBR橡膠輪	1124-05-04-1	1124-05-04-2	1124-05-04-4			
	200 kgs(440 lbs)	Bánh cao su không lăn vết lõi gang 環保NBR橡膠輪	1124-05-11-1	1124-05-11-2	1124-05-11-4			
125mm x 41mm (5" x 1-5/8")	250 kgs(550 lbs)	Bánh Nylon 尼龍輪	1124-05-07-1	1124-05-07-2	1124-05-07-4			
	200 kgs(440 lbs)	Bánh CPD CPD輪	1124-05-49-1	1124-05-49-2	1124-05-49-4			
138mm x 42mm (5-7/16" x 1-5/8")	300 kgs(660 lbs)	Bánh xe gang 鉄輪	1124-06-14-1	1124-06-14-2	—	Ổ bi 滾珠	184mm	Xoay 104mm 活動 104mm
150mm x 37.5mm (6" x 1-1/2")	180 kgs(396 lbs)	Bánh W Resolute W 全效輪	1124-06-64-1	1124-06-64-2	1124-06-64-4	Ổ bi 滾珠	190mm (7-1/2")	Xoay 110mm Khóa bên 110mm Khóa giữa 160mm 活動 110mm 側煞 110mm 中煞 160mm
150mm x 40mm (6" x 1-9/16")	250 kgs(550 lbs)	Bánh cao su NBR lõi gang 鐵芯NBR橡膠輪	1124-06-04-1	1124-06-04-2	1124-06-04-4			
	250 kgs(550 lbs)	Bánh cao su không lăn vết lõi gang 環保NBR橡膠輪	1124-06-11-1	1124-06-11-2	1124-06-11-4			
	350 kgs(770 lbs)	Bánh Nylon 尼龍輪	1124-06-07-1	1124-06-07-2	1124-06-07-4			
	250 kgs(550 lbs)	Bánh CPD CPD輪	1124-06-49-1	1124-06-49-2	1124-06-49-4			
	350 kgs(770 lbs)	Bánh WMRC WMRC輪	1124-06-45-1	1124-06-45-2	1124-06-45-4			
	250 kgs(550 lbs)	Bánh WCPD WCPD輪	1124-06-79-1	1124-06-79-2	1124-06-79-4			

* 50mm x 45mm (2" x 1-3/4") Static load capacity:550kg (1212.5 lbs)



 Đường kính Bề rộng bánh xe 輪徑 x 輪寬	 Tải trọng 載重	 Vật liệu bánh xe 材質	 Mã sản phẩm 型號			 Ổ lăn bánh xe 軸承	 Tổng chiều cao 總高	 Bán kính xoay 迴旋半徑
			Càng cố định 固定	Càng xoay 活動	Có Phanh/Khóa 剎車			
150mm x 42mm (6" x 1-5/8")	350 kgs(770 lbs)	Bánh PU lõi gang 鐵芯聚氨酯	1124-06-33-1	1124-06-33-2	1124-06-33-4	Ổ bi 滾珠	190mm (7-1/2")	Xoay 110mm Khóa bên 110mm Khóa giữa 160mm 活動 110mm 側煞 110mm 中煞 160mm
	400 kgs(880 lbs)	Bánh QPU QPU輪	1124-06-80-1	1124-06-80-2	1124-06-80-4			
	350 kgs(770 lbs)	Bánh EPU EPU輪	1124-06-78-1	1124-06-78-2	1124-06-78-4			
	400 kgs(880 lbs)	Bánh EQPU EQPU輪	1124-06-81-1	1124-06-81-2	1124-06-81-4			
	400 kgs(880 lbs)	Bánh QPU lõi nhôm (cong) 鋁芯AQPU(圓弧)	1124-06-87-1	1124-06-87-2	1124-06-87-4			
150mm x 45.5mm (6" x 1-13/16")	220 kgs(485 lbs)	Bánh cao su lõi gang 三星輪	1124-06-03-1	1124-06-03-2	1124-06-03-4	Ổ bi 滾珠	240mm (9-1/2")	Xoay 145mm Khóa bên 145mm Khóa giữa 162.5mm 活動 145mm 側煞 145mm 中煞 162.5mm
200mm x 44mm (8" x 1-3/4")	300 kgs(660 lbs)	Bánh cao su NBR lõi gang 鐵芯NBR橡膠輪	1124-08-04-1	1124-08-04-2	1124-08-04-4			
	300 kgs(660 lbs)	Bánh cao su không lăn vết lõi gang 環保NBR橡膠輪	1124-08-11-1	1124-08-11-2	1124-08-11-4			
200mm x 45mm (8" x 1-13/16")	350 kgs(770 lbs)	Bánh xe gang 銑輪	1124-08-14-1	1124-08-14-2	1124-08-14-4			
200mm x 50mm (8" x 2")	400 kgs(880 lbs)	Bánh PU lõi gang 鐵芯聚氨酯	1124-08-33-1	1124-08-33-2	1124-08-33-4			
	400 kgs(880 lbs)	Bánh QPU QPU輪	1124-08-80-1	1124-08-80-2	1124-08-80-4			
	400 kgs(880 lbs)	Bánh EPU EPU輪	1124-08-78-1	1124-08-78-2	1124-08-78-4			
	400 kgs(880 lbs)	Bánh EQPU EQPU輪	1124-08-81-1	1124-08-81-2	1124-08-81-4			
	260 kgs(570 lbs)	Bánh cao su lõi gang 三星輪	1124-08-03-1	1124-08-03-2	1124-08-03-4			
	300 kgs(660 lbs)	Bánh cao su NBR lõi gang 鐵芯NBR橡膠輪	1124-08-04-1	1124-08-04-2	1124-08-04-4			
	300 kgs(660 lbs)	Bánh cao su không lăn vết lõi gang 環保NBR橡膠輪	1124-08-11-1	1124-08-11-2	1124-08-11-4			
	400 kgs(880 lbs)	Bánh Nylon 尼龍輪	1124-08-07-1	1124-08-07-2	1124-08-07-4			
	300 kgs(660 lbs)	Bánh CPD CPD輪	1124-08-49-1	1124-08-49-2	1124-08-49-4			
	180 kgs(396 lbs)	Bánh cao su đặc Resolute 風硬全效輪	1124-08-53-1	1124-08-53-2	1124-08-53-4			
	400 kgs(880 lbs)	Bánh WMRC WMRC輪	1124-08-45-1	1124-08-45-2	1124-08-45-4			
	300 kgs(660 lbs)	Bánh WCPD WCPD輪	1124-08-79-1	1124-08-79-2	1124-08-79-4			
	400 kgs(880 lbs)	Bánh QPU lõi nhôm (cong) 鋁芯AQPU(圓弧)	1124-08-87-1	1124-08-87-2	1124-08-87-4			
	400 kgs(880 lbs)	Bánh QPU lõi nhôm (phẳng) 鋁芯AQPU(平面)	1124-08-87-1	1124-08-87-2	1124-08-87-4			